ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BẮC ĐÔNG QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐA-UBND	*Bắc Đông Quan, ngày tháng 6 năm 2026*

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BẮC ĐÔNG QUAN NĂM 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Thực hiện Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Bắc Đông Quan xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn năm 2026, như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN/ TỔ DÂN PHỐ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

2. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

3. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

6. Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

7. Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh năm 2026;

8. Nghị quyết số 19-NQ/ĐU ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Đảng uỷ xã Bắc Đông Quan về việc thông qua dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan năm 2026.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP SẮP XẾP THÔN

1. Xuất phát từ thực trạng tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn

Xã Bắc Đông Quan có diện tích tự nhiên là 20,66 km^2, với 8.302 hộ gia đình và 24.949 người. Trên địa bàn xã có 24 thôn, 47 người hoạt động không chuyên trách tại các thôn. Hiện nay, có 05 thôn quy mô hộ gia đình đạt từ 400 hộ gia đình trở lên; có 19 thôn quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định 400 hộ gia đình; như vậy hầu hết các thôn trên địa bàn có quy mô quá nhỏ, không đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

2. Xuất phát từ yêu cầu thực tế

- Xuất phát từ thực tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, số lượng thôn trên địa bàn xã tăng lên nhiều, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương ở cơ sở.

- Từ tình hình thực tế của thôn hiện nay:

+ Một số thôn có quy mô dân số nhỏ, diện tích phân tán, chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng.

+ Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn quy mô nhỏ còn dàn trải, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, dễ dẫn đến lãng phí ngân sách.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn là thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn làm giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc tại thôn, tinh gọn bộ máy, kiện toàn nâng cao chất lượng của người hoạt động không chuyên trách thôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần II

HIỆN TRẠNG SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

1. Hiện trạng số lượng thôn

1.1. Tổng số thôn: 24 thôn;

1.2. Số hộ gia đình của các thôn: 8.302 hộ

1.3. Số dân của các thôn: 24.949 người

2. Số lượng thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

1.1. Số thôn chưa đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình: 19;

1.2. Số thôn sắp xếp, tổ chức lại: 22;

1.3. Số thôn giải thể do sắp xếp, tổ chức lại thôn: 0

3. Số lượng thôn không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

Tổng số thôn: 02, trong đó:

3.1. Số thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định: 02;

3.2. Số thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình nhưng không sắp xếp do có yếu tố đặc thù: 0

(Số liệu chi tiết tại phụ lục 1A, 1B kèm theo Đề án)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN CỦA XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Nhập toàn bộ thôn Bắc Song và thôn Nam Song thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Vô Song

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 700 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.107 người; trong đó: 97 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Lương Đống; phía Tây giáp xã Đông Hưng, xã Nam Đông Hưng; phía Nam giáp thôn Tam Sơn.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Nam Song (cũ)

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 02 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 80% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 02 thôn mới bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

2. Nhập toàn bộ thôn Đồng Tâm và thôn Tam Đồng thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Kỳ Hội

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 678 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.065 người; trong đó: 84 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn An Đồng; phía Tây giáp xã Đông Hưng; phía Nam giáp thôn Vô Song; phía Bắc giáp thôn Kỳ Trọng.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Tam Đồng (cũ)

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 02 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 70% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

3. Nhập toàn bộ thôn Minh Thành và thôn Liên Hoàn thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Kỳ Trọng

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 534 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 1.638 người; trong đó: 46 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn An Đồng; phía Tây giáp xã Đông Hưng; phía Nam giáp thôn Kỳ Hội; phía Bắc giáp xã Bắc Đông Hưng.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Liên Hoàn (cũ)

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 02 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 57% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

4. Nhập toàn bộ thôn Nam Tiến; thôn Đông An và thôn An Đồng thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn An Đồng

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 761 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.314 người; trong đó: 124 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Hà Khê; phía Tây giáp thôn Kỳ Trọng; phía Nam giáp thôn Lương Đống; phía Bắc giáp xã Bắc Đông Hưng.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa An Đồng (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 03 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 44% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 03 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 03 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

5. Nhập toàn bộ thôn Hòa Bình và thôn Lương Đống thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Lương Đống

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 657 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 1.955 người; trong đó: 76 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Hà Khê; phía Tây giáp thôn Vô Song; phía Nam giáp thôn Đông Vinh; phía Bắc giáp thôn An Đồng.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Lương Đống (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 64% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập

quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

6. Nhập toàn bộ thôn Bắc Đồng Hải và thôn Đồng Lang thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Đông Vinh

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 592 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 1.578 người; trong đó: 90 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Đông Quan; phía Tây, phía Nam giáp thôn Đồng Hải; phía Bắc giáp thôn Lương Đống.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Đồng Lang (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 02 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 57% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

7. Nhập toàn bộ thôn Nam Đồng Hải; thôn Tây Đồng Hải và thôn Đông Đồng Hải thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Đồng Hải

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 705 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.053 người; trong đó: 116 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Đông Quan; phía Tây giáp thôn Văn Ông, phía Nam giáp xã Đông Quan; phía Bắc giáp thôn Đông Vinh và thôn Lương Đống.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Đông Đồng Hải (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh

tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; 03 thôn trên đều có quy mô hộ gia đình từ 43% đến dưới 100% chưa bảo đảm theo quy định, nhập 03 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 03 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

8. Nhập toàn bộ thôn Văn Ông Đông và thôn Văn Ông Trung thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Văn Ông

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 726 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.185 người; trong đó: 65 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Đồng Hải; phía Tây giáp thôn Tam Sơn, phía Nam giáp xã Đông Quan; phía Bắc giáp thôn Vô Song.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Văn Ông Trung (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; thôn Văn Ông Đông quy mô hộ gia đình chỉ đạt 69% (dưới 100%) chưa bảo đảm theo quy định, nhập vào thôn Văn Ông Trung mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

9. Nhập toàn bộ thôn Tế Quan và thôn Văn Ông Đoài thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Tam Sơn

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 791 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.370 người; trong đó: 76 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Văn Ông; phía Tây, phía Nam giáp xã Nam Đông Hưng; phía Bắc giáp thôn Vô Song.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Văn Ông Đoài (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; thôn Tế Quan quy mô hộ gia đình chỉ đạt 79,5% (dưới 100%) chưa bảo đảm theo quy định, nhập vào thôn Văn Ông Đoài mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

10. Nhập toàn bộ thôn Lãm Khê và thôn Duyên Hà thành thôn mới

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Hà Khê

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 1.062 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 3.344 người; trong đó: 89 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn Kinh Hào; phía Tây giáp thôn Lương Đống, thôn An Đồng; phía Nam giáp xã Đông Quan; phía Bắc giáp xã Bắc Đông Hưng.

- Trụ sở làm việc của thôn sau sắp xếp: Nhà văn hóa Thôn Duyên Hà (cũ).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân trong thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với quy định hiện hành về quy mô số hộ gia đình của thôn; thôn Lãm Khê quy mô hộ gia đình chỉ đạt 81,8% (dưới 100%) chưa bảo đảm theo quy định, nhập vào thôn Duyên Hà mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định; về địa giới 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa tương đồng, giao thông thuận lợi phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

11. Giữ nguyên thôn Kinh Hào do đã bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định: Số hộ gia đình: 568 hộ; số nhân khẩu: 1.712 người, trong đó: 61 đảng viên.

12. Giữ nguyên thôn Kinh Nậu do đã bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định: Số hộ gia đình: 528 hộ; số nhân khẩu: 1.628 người, trong đó: 50 đảng viên.

(Có phụ lục 2A, 2B kèm theo Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ

Trước khi sắp xếp xã có 24 thôn. Sau khi sắp xếp, xã còn 12 thôn, giảm 12 thôn.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, CÁC CHỨC DANH KHÁC CÓ LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN

1. Thực trạng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và các chức danh khác có liên quan

1.1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Tổng số 47 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh: Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận, kiêm Trưởng thôn: 01 người; Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận: 23 người; Trưởng thôn kiêm phó Bí thư chi bộ: 11 người; Trưởng thôn: 12 người; Trưởng ban công tác mặt trận (*không tính người kiêm nhiệm*): 0 người.

- Chia theo độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 0 người; từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 01 người; từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 14 người và từ 60 tuổi trở lên: 32 người (trong đó trên 70 tuổi: 10 người).

- Chia theo trình độ đào tạo: Trên đại học: 0; đại học: 0; cao đẳng: 01; trung cấp: 07 người, phổ thông: 39 người.

- Số lượng thừa/thiếu: Thiếu 01 Trưởng thôn chưa kiện toàn.

1.2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn đang hưởng theo các quy định của tỉnh Hưng Yên cũ và tỉnh Thái Bình cũ

Tổng số 96 người, trong đó:

- Phó Bí thư chi bộ: 6 người;

- Phó bí thư chi bộ kiêm các chức danh khác: 6

- Phó Trưởng thôn: 14 người

- Phó trưởng thôn kiêm các chức danh khác: 9

- Chi hội trưởng các hội đoàn thể (Bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh thôn): 61 người

- Chia theo độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 21 người, từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 9 người, từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 18 người và trên 60 tuổi: 48 người (trong đó trên 70 tuổi: 18 người).

- Chia theo trình độ đào tạo: Trên đại học: 01 người, đại học: 9, cao đẳng và trung cấp: 10, phổ thông: 76 người

1.3. Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, tỉnh:

Tổng số 82 người, trong đó:

- Tổ an ninh trật tự ở cơ sở: 28 người
- Nhân viên Y tế thôn: 30 người
- Thôn đội trưởng: 24 người

1.4. Đánh giá chung về số lượng, hoạt động của các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn

Nhìn chung đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn trong suốt thời gian qua đã phát huy vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần duy trì hoạt động của cộng đồng dân cư, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị và các phong trào tại địa phương. Tuy nhiên trước yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, cần tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý số lượng chức danh; hoàn thiện cơ chế chính sách; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Phương án sắp xếp, bố trí sau sắp xếp, tổ chức lại thôn

2.1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức sau sắp xếp thôn

Tổ chức thôn sau sắp xếp bao gồm*: 01 Bí thư Chi bộ; 01 Trưởng thôn; 01 Trưởng Ban công tác Mặt trận; phương án thành lập các chi bộ, các chi hội, tổ chức đoàn thể theo quy định.*

2.2. Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn sau sắp xếp *(nguyên tắc bố trí; phương án cụ thể theo từng vị trí, chức danh ở thôn; tổng số người hoạt động trước sắp xếp; số tiếp tục bố trí; số lượng dôi dư sau sắp xếp....)*

a. Nguyên tắc bố trí, sắp xếp

Việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại các thôn thực hiện sắp xếp được thực hiện bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ưu tiên lựa chọn, bố trí những người có phẩm chất chính trị, năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác, có uy tín trong Nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại thôn sau sắp xếp. Việc bố trí bảo đảm tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng chéo nhiệm vụ, đồng thời giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn dân cư.

Đối với các chức danh trùng lặp sau sắp xếp, thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện để lựa chọn người phù hợp tiếp tục bố trí công tác; các trường hợp không tiếp tục bố trí được xem xét giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

b. Phương án bố trí cụ thể theo từng chức danh tại thôn mới

* Sau khi thực hiện sắp xếp thôn, các chức danh tại thôn mới phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy Hưng Yên.

* Phương án bố trí:

- Mỗi thôn bố trí 03 người đảm nhiệm 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm: 01 người đảm nhiệm chức danh Bí thư chi bộ thôn, 01 người đảm nhiệm chức danh Trưởng thôn và 01 người đảm nhiệm chức danh Trưởng ban công tác Mặt trận.

- Các chi hội đoàn thể *(Chi hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên và các chức danh khác)*: Thực hiện kiện toàn, sắp xếp phù hợp với quy mô, số lượng hội viên và yêu cầu hoạt động thực tế của thôn mới.

* Tổng số người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại các thôn trước khi sắp xếp là: 225 người.

- Số lượng dự kiến bố trí, sắp xếp tại thôn mới: 162 người, trong đó:

/ Người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 36 người

+ Bí thư chi bộ: 12 người

+ Trưởng thôn: 12 người

+ Trưởng ban công tác mặt trận: 12 người

/ Người trực tiếp tham gia hoạt động đảm nhiệm các chức danh công việc ở thôn, bố trí tối đa: 126 người (bao gồm cả số người làm công tác an ninh trật tự ở cơ sở), trong đó:

+ Thôn có dưới 700 hộ gia đình bố trí tối đa 07 người.

+ Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên bố trí tối đa 08 người.

- Số lượng dôi dư sau sắp xếp: 63 người, trong đó: người hoạt động không chuyên trách ở thôn giảm 11 người; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn giảm 52 người.

2.3. Phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với người dôi dư sau sắp xếp *(cụ thể các phương án, số lượng, chế độ chính sách)*

Đối với các trường hợp dôi dư, Uỷ ban nhân dân xã phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; đồng thời xem xét, giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(Có phụ lục 3A, 3B, 3C, 3D kèm theo Đề án)

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ THÔN DÔI DƯ SAU SẮP XẾP

1. Nguyên tắc sắp xếp, xử lý

Việc sắp xếp, xử lý nhà văn hoá thôn dôi dư sau sắp xếp được thực hiện bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí tài sản nhà nước.

Ưu tiên lựa chọn sử dụng các nhà văn hóa thôn hiện có phục vụ sinh hoạt cộng đồng, hội họp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các nhiệm vụ chính trị tại địa phương và đảm bảo thuận tiện. Việc xử lý tài sản dôi dư phải phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế và nhu cầu sử dụng của Nhân dân trên địa bàn.

2. Hiện trạng nhà văn hoá thôn trước sắp xếp

- Trước khi thực hiện sắp xếp, trên địa bàn xã có 23 nhà văn hóa *(hiện nay có 01 thôn sử dụng chung nhà văn hoá với Nhà văn hóa xã: thôn Nam Tiến)*

- Sau sắp xếp, số lượng nhà văn hóa sử dụng làm trụ sở của thôn mới là 12 công trình.

- Số lượng nhà văn hóa dôi dư sau sắp xếp là: 11 công trình

3. Phương án xử lý trụ sở dôi dư

Đối với các nhà văn hóa dôi dư sau sắp xếp, việc thực hiện phương án sắp xếp có thể thực hiện theo nhiều hình thức để phù hợp với thực trạng tài sản và nhu cầu của Nhân dân. UBND xã dự kiến thực hiện phương án xử lý như sau:

+ Đối với nhà văn hóa còn bảo đảm điều kiện sử dụng:

Tiếp tục sử dụng làm nơi sinh hoạt cộng đồng, tổ chức hội họp của cụm dân cư; địa điểm sinh hoạt các chi hội đoàn thể; nơi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao hoặc phục vụ các nhiệm vụ khác của địa phương.

+ Đối với nhà văn hóa xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu sử dụng:

Thực hiện rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét thanh lý, điều chuyển hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

+ Đối với nhà văn hóa có vị trí phù hợp:

Xem xét chuyển đổi công năng sử dụng phục vụ mục đích công cộng như: điểm sinh hoạt cộng đồng, thư viện, điểm vui chơi cho trẻ em, nơi hội họp tổ liên gia, tổ an ninh tự quản hoặc các mục đích phục vụ dân sinh khác.

Việc thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà văn hoá thôn dôi dư sau sắp xếp bảo đảm đúng quy định tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản.

(Có phụ lục 4 kèm theo Đề án)

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP THÔN

1. Đề nghị Thường trực Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã

- Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo các chi bộ, tổ chức đảng tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân tạo sự thống nhất, đồng thuận trong quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo công tác kiện toàn tổ chức đảng tại các thôn sau sắp xếp bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu quả.

2. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã:

- Tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể hội viên, đoàn viên và Nhân dân về kế hoạch, Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn. Phối hợp UBND xã thực hiện lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp các thôn.

- Tham gia giám sát quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác kiện toàn tổ chức hội, đoàn thể tại các thôn sau sắp xếp, tổ chức lại.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Tham mưu UBND xã xây dựng Đề án trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ xã xin chủ trương thực hiện Đề án sắp xếp các thôn trên địa bàn xã.

- Tham mưu Uỷ ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Đề án sắp xếp các thôn trên địa bàn xã. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân về Đề án sắp xếp thôn; tham mưu xây dựng thành báo cáo để hoàn thiện hồ sơ trình trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. Tham mưu UBND xã dự trù kinh phí thực hiện.

- Phối hợp, tham mưu UBND xã thực hiện việc bố trí, sắp xếp đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn; giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư theo quy định.

- Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện về sắp xếp, tổ chức lại thôn.

4. Phòng Kinh tế:

- Phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội lập dự toán, thẩm định dự toán và tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

- Tham mưu Uỷ ban nhân dân xã chỉ đạo quản lý, sử dụng, xử lý nhà văn hóa và tài sản công tại các thôn dôi dư sau sắp xếp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Báo cáo chi tiết về quy mô diện tích, sơ đồ của các thôn sau khi thực hiện Đề án sắp xếp các thôn.

- Hướng dẫn các cơ sở thôn thực hiện công tác bàn giao cơ sở vật chất, tài sản công sau sáp nhập.

5. Công an xã:

- Xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở trong suốt quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn.

- Phối hợp cung cấp dữ liệu dân cư để phục vụ cho việc tổng hợp, thống kê số liệu dân số, lập danh sách cử tri theo từng cơ sở thôn để thực hiện niêm yết công khai và tổ chức lấy kiến nhân dân.

6. Ban Chỉ huy quân sự xã:

Phối hợp với Công an xã xây dựng kế hoạch, phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn.

7. Văn phòng HĐND và UBND xã: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Hội đồng nhân dân xã tổ chức kỳ họp lấy ý kiến đại biểu HĐND xã thông qua Đề án sắp xếp, đổi tên thôn trên địa bàn xã và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

8. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tăng cường công tác tuyên truyền về sắp xếp, tổ chức lại thôn năm 2026 trên hệ thống Đài truyền thanh của xã, trên trang mạng xã hội *(Facebook, Fanpage...)* để Nhân dân biết tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân.

9. Đối với các cơ sở thôn:

- Thông tin, tuyên truyền đến các hộ dân trên địa bàn thôn hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp thôn; tổ chức triển khai lấy ý kiến Nhân dân đúng theo quy định, báo cáo kết quả tổ chức lấy ý kiến cho cơ quan có thẩm quyền.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc xây dựng và triển khai Đề án.

- Thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung liên quan theo quy định sau khi có quyết định sắp xếp.

10. Các cơ quan, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân Nhân dân đồng thuận thực hiện chủ trương sáp nhập thôn. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc với cấp ủy, chính quyền để giải quyết.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Sau khi thực hiện sắp xếp, quy mô thôn phù hợp hơn với điều kiện thực tế của địa phương; góp phần tinh giản đội ngũ người hoạt động không chuyên

trách, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản công, giảm chi ngân sách nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước tại địa bàn dân cư. Đồng thời, việc sắp xếp cũng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp trên quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, đặc biệt là việc hợp nhất các chi bộ, chi hội, tổ chức đoàn thể bảo đảm thống nhất, đồng bộ theo quy định.

- Đề nghị xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác sắp xếp; giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng dôi dư sau sắp xếp theo quy định hiện hành.

- Đề nghị có hướng dẫn cụ thể đối với việc quản lý, sử dụng và xử lý trụ sở, nhà văn hóa, tài sản công dôi dư sau sắp xếp nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan năm 2026, Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt để triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Mạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 1A

THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

STT	Tên thôn/ tổ dân phố	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Thôn Nam Song	326	81,5	987		x			
2	Thôn Bắc Song	374	93,5	1.120		x			
3	Thôn Tam Đồng	399	99,8	1.247		x			
4	Thôn Đồng Tâm	279	69,8	818		x			
5	Thôn Liên Hoàn	304	76,0	930		x			
6	Thôn Minh Thành	230	57,5	708		x			
7	Thôn Nam Tiến	274	68,5	824		x			
8	Thôn An Đồng	308	77,0	948		x			
9	Thôn Đông An	179	44,8	542		x			
10	Thôn Lương Đống	398	99,5	1.186		x			
11	Thôn Hòa Bình	259	64,8	769		x			
12	Thôn Đồng Lang	362	90,5	940		x			
13	Thôn Bắc Đồng Hải	230	57,5	638		x			
14	Thôn Nam Đồng Hải	175	43,8	533		x			
15	Thôn Tây Đồng Hải	193	48,3	555		x			
16	Thôn Đông Đồng Hải	337	84,3	965		x			
17	Thôn Văn Ông Trung	448	112	1.355		x			
18	Thôn Văn Ông Đông	278	69,5	830		x			
19	Thôn Văn Ông Đoài	473	118,3	1.485		x			
20	Thôn Tế Quan	318	79,5	885		x			
21	Thôn Lãm Khê	327	81,8	1.092		x			
22	Thôn Duyên Hà	735	183,8	2.252		x			
23	Thôn Kinh Hào	568	142	1.712				x	
24	Thôn Kinh Nậu	528	132	1.628				x	
Tổng số: 24 thôn		**8.302**		**24.949**					

UBND XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 1B

THỐNG KÊ THÔN KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

STT	Tên thôn (TDP)	Số hộ gia đình	Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %)	Số dân	**Lý do không thực hiện sắp xếp** *(Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH**				
1	Thôn Kinh Hào	568	142	1.712	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
2	Thôn Kinh Nậu	528	132	1.628	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
	Tổng số: 02 thôn				
II	**CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP DO CÓ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ**				
	Không có				

* Ghi chú: Tổng số thôn, TDP không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tại PL 1A phải thống nhất số liệu với Phụ lục 1B

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 2A

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
ĐỐI VỚI XÃ BẮC ĐÔNG QUAN: 22 thôn thực hiện sắp xếp thành 10 thôn mới, giữ nguyên 02 thôn. Sau sắp xếp có 12 thôn, giảm 12 thôn.									
1	Thôn Nam Song	326	987	Thôn Vô Song	700	175	2.107	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 80% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Bắc Song	374	1.120						
2	Thôn Tam Đồng	399	1.247	Thôn Kỳ Hội	678	170	2.065	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Đồng Tâm	279	818						
3	Thôn Liên Hoàn	304	930	Thôn Kỳ Trọng	534	134	1.638	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 57% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Minh Thành	230	708						

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
4	Thôn Nam Tiến	274	824	Thôn An Đồng	761	190	2.314	03 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 44% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn An Đồng	308	948						
	Thôn Đông An	179	542						
5	Thôn Lương Đống	398	1.186	Thôn Lương Đống	657	164	1.955	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 64% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Hòa Bình	259	769						
6	Thôn Đồng Lang	362	940	Thôn Đông Vinh	592	148	1.578	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 57% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Bắc Đồng Hải	230	638						
7	Thôn Nam Đồng Hải	175	533	Thôn Đồng Hải	705	176	2.053	03 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 43% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Tây Đồng Hải	193	555						
	Thôn Đông Đồng Hải	337	965						
8	Thôn Văn Ông Trung	448	1.355	Thôn Văn Ông	726	182	2.185	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô số hộ gia đình bảo đảm theo quy định, tuy nhiên có 01 thôn mới đạt 69,5% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Văn Ông Đông	278	830						

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
9	Thôn Văn Ông Đoài	473	1.485	Thôn Tam Sơn	791	198	2.370	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô số hộ gia đình bảo đảm theo quy định, tuy nhiên có 01 thôn mới đạt 79,5% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Tế Quan	318	885						
10	Thôn Lãm Khê	327	1.092	Thôn Hà Khê	1.062	266	3.344	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô số hộ gia đình bảo đảm theo quy định, tuy nhiên có 01 thôn mới đạt 81% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Duyên Hà	735	2.252						
11	Thôn Kinh Hào	568	1.712	Giữ nguyên	568	142	1.712	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
12	Thôn Kinh Nậu	528	1.628	Giữ nguyên	528	132	1.628	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 2B

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn xã Bắc Đông Quan

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

TT	Tên xã, phường	Số thôn, tổ dân phố trước sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/ tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/tổ dân phố không thực hiện sắp xếp		Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại			Số thôn, tổ dân phố giảm	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa dôi dư	Ghi chú
				Do đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên					
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	Xã Bắc Đông Quan	24	22	2	0	12	8	2	0	12	11	52	Đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng động	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	Thôn Nam Song														
1	Lê Văn Bình	20/5/1954		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73				1				1	
2	Lê Thị Ngoãn	3/7/1969	1		Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,15			1					1	
II	Thôn Bắc Song														
1	Phạm Trọng Dung	20/8/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73				1				1	
2	Phạm Văn Quế	10/2/1955		1	Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,15				1				1	
III	Thôn Tam Đồng														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Hoàng Văn Rẫn	15/3/1966		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73			1					1	
2	Hoàng Thanh Hà	1/1/1958			Trưởng thôn kiêm an ninh trật tự kiêm CHT cựu chiến binh	2,15				1				1	
IV	Thôn Đồng Tâm														
1	Đặng Văn Dâu	20/10/1954		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1				1	
2	Hoàng Minh Xuân	12/4/1955		1	Phó BT chi bộ kiêm Trưởng thôn kiêm CHT nông dân	1,1				1				1	
V	Thôn Liên Hoàn														
1	Bùi Văn Thới	1/2/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73				1		1			
2	Phạm Văn Lập	26/5/1950		1	Trưởng thôn	1,05				1				1	
VI	Thôn Minh Thành														
1	Bùi Ngọc Hoàn	23/6/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1				1	
2	Bùi Văn Tơ	11/9/1954			Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,1				1			1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VII	Thôn Nam Tiến														
1	Phạm Phú Cung	9/5/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1			1		
2	Nguyễn Thị Kim Tươi	22/10/1975	1	1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn	1,1			1					1	
VIII	Thôn An Đồng														
1	Nghiêm Quang Hách	2/12/1962		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1			1		
2	Nguyễn Văn Loát	8/5/1964		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn	1,1				1				1	
IX	Thôn Đông An														
1	Nguyễn Tiến Định	14/8/1956		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận kiêm CHT cựu chiến binh	1,74				1				1	
2	Phạm Thị Duyên	20/11/1973	1	1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn	1,1			1					1	
X	Thôn Lương Đống														
1	Đặng Văn Yêm	12/4/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73				1			1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Nguyễn Thị Soi	8/10/1963	1	1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm y tế thôn, CHT nông dân	1,55				1				1	
XI	Thôn Hòa Bình														
1	Vũ Văn Lưỡng	4/6/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1				1	
2	Nguyễn Đình Chiểu	25/9/1974		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm an ninh trật tự, CHT nông dân	2,2			1					1	
XII	Thôn Đồng Lang														
1	Lại Hữu Hải	10/12/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73				1				1	
2	Phạm Đình Đức	10/6/1968		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm CHT nông dân	1,25			1					1	
XIII	Thôn Bắc Đồng Hải														
1	Nguyễn Thị Sim	04/02/1970	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Lại Hợp Nhã	24/9/1970			Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,1			1					1	
XIV	Thôn Nam Đồng Hải														
1	Lại Thế Vinh	19/5/1974		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64			1					1	
2	Lại Thế Kiển	1/11/1967		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm CHT nông dân, CCB	1,2			1					1	
XV	Thôn Tây Đồng Hải														
1	Lại Hợp Thiệu	10/6/1961		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1				1	
2	Lại Hợp Quýnh	1/6/1962		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm CHT nông dân	1,2				1				1	1
XVI	Thôn Đông Đồng Hải														
1	Lại Ngọc Tư	19/3/1966		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận kiêm trưởng thôn kiêm CHT nông dân	2,88			1				1		
XVII	Thôn Văn Ông Trung														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Văn Minh	15/9/1975		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73			1				1		
2	Nguyễn Văn Nghị	2/12/1964			Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,15				1				1	
XVIII	Thôn Văn Ông Đông														
1	Nguyễn Thành Môn	20/10/1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,64				1				1	
2	Phạm Ngọc Thoa	5/6/1956			Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,1				1				1	
XIX	Thôn Văn Ông Đoài														
1	Nguyễn Văn Tiếp	26/8/1986		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,73		1					1		
2	Nguyễn Đức Hảo	23/9/1967		1	Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,15			1					1	
XX	Thôn Tế Quan														
1	Phạm Thị Thanh Thu	8/8/1968	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,68			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Nguyễn Huy Hội	20/4/1955		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm CHT nông dân	1,2				1				1	
XXI	Thôn Lãm Khê														
1	Bùi Văn Dũng	19/8/1969		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận kiêm CHT CCB	1,83			1					1	
2	Nguyễn Thị Tín	1/1/1962	1	1	Trưởng thôn	1,05				1				1	
XXII	Thôn Duyên Hà														
1	Bùi Thị Tính	6/9/1959	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,82				1			1		
2	Đỗ Văn Niệm	28/4/1955		1	Trưởng thôn kiêm chi hội trưởng hội nông dân	1,25				1				1	
XXIII	Thôn Kinh Hào														
1	Phạm Thị Chìu	8/5/1960	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận kiêm CHT phụ nữ	1,97				1				1	
2	Phạm Ánh Xuân	24/8/1974		1	Trưởng thôn kiêm an ninh trật tự	2,1			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
XXIV	Thôn Kinh Nậu														
1	Phạm Quang Tẫn	10/10/1953		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	1,82				1				1	
2	Bùi Đức Tuấn	14/4/1975		1	Phó BT chi bộ kiêm trưởng thôn kiêm an ninh trật tự, CHT nông dân	2,05			1					1	
	Tổng số		**9**	**41**			**0**	**1**	**17**	**29**	**0**	**1**	**8**	**38**	

Lưu ý: *Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại Phụ lục số 3D*

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	Thôn Nam Song														
1	Chu Văn Thiện	12/3/1962		1	Phó BT chi bộ kiêm an ninh trật tự	1,1			1					1	
2	Nguyễn Cao Hàm	1/10/1965			Phó trưởng thôn	0,7			1					1	
3	Nguyễn Đức Lượng	28/12/1978		1	Thôn đội trưởng	0,9		1						1	
4	Phạm Thị Nhạn	19/2/1982	1		Y tế	0,3		1						1	
5	Bùi Thị Thuý	2/6/1975	1		Y tế	0,3			1					1	
6	Nguyễn Thị Hồng	3/3/1950	1		CHT hội Cựu chiến binh	0,1				1				1	
7	Phạm Thị Khuyên	10/8/1976	1		CHT phụ nữ	0,1			1					1	
8	Nguyễn Cao Lĩnh	2/1/1993		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
II	Thôn Bắc Song														
1	Lê Châu Tuấn	14/9/1965		1	Phó bí thư chi bộ	0,1				1				1	
2	Nguyễn Thị Bông	1/1/1963	1		Phó trưởng thôn	0,7				1				1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
3	Phạm Văn Chính	2/7/1982			Thôn đội trưởng	0,9		1						1	
4	Nguyễn Thị Ninh	20/9/1962	1		Y tế	0,3				1				1	
5	Nguyễn Thị Sen	22/10/1987	1	1	Y tế	0,3	1							1	
6	Nguyễn Văn Huyến	9/7/1977			An ninh trật tự	0,9		1						1	
7	Nguyễn Anh Dũng	20/2/1995			An ninh trật tự	0,8	1							1	
8	Phạm Thị Tươi	26/2/1958	1		CHT phụ nữ	0,1				1			1		
9	Phạm Đình Khải	6/6/1996		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
10	Nguyễn Đức Dương	20/11/1955		1	CHT Cựu Chiến binh	0,1				1				1	
III	Thôn Tam Đồng														
1	Hoàng Văn Đào	24/10/1947			Phó trưởng thôn	0,7				1				1	
2	Hoàng Đức Mạnh	29/11/1998			Thôn đội trưởng	0,9	1							1	
3	Hoàng Thị Khánh	2/5/1975	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Hoàng Thi Hoa	14/12/1967	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Hoàng Văn Thắng	18/10/1993			An ninh trật tự	0,8	1							1	
6	Hoàng Thị Lanh	5/10/1966	1		CHT nông dân	0,1				1				1	
7	Đặng Thị Hoa	1966	1		CHT phụ nữ	0,1				1				1	
8	Đặng Thị Quy	8/10/1991	1		Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
IV	Thôn Đồng Tâm														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	Đặng Văn Khôi	15/3/1964		1	Phó trưởng thôn	0,65				1				1	
2	Đặng Hùng Cường	26/6/1986			Thôn đội trưởng	0,8		1						1	
3	Phạm Thị Mến	8/1/1982	1	1	Y tế kiêm CHT phụ nữ	0,4		1						1	
4	Nguyễn Văn Trường	23/10/1963			An ninh trật tự	0,9				1				1	
5	Phạm Quang Hoàng	16/12/2006			Bí Thư chi đoàn	0,1	1							1	
6	Phạm Văn Chiến	1/6/1964		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1			1		Hưu QĐ
V	Thôn Liên Hoàn														
1	Nghiêm Thị Phượng	22/6/1982	1	1	Phó bí thư chi bộ kiêm CHT phụ nữ	0,2		1					1		
2	Đặng Đức Vinh	1/9/1956			Phó trưởng thôn	0,7				1				1	
3	Phạm Văn Thắng	9/1/1983			Thôn đội trưởng	0,9		1						1	
4	Hoàng Thị Nguyệt	1/8/1968	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Chu Thị Đung	3/2/1980	1		Y tế	0,3		1						1	
6	Hoàng Văn Tự	5/1/1970			An ninh trật tự	0,9			1					1	
7	Hoàng Thanh Huy	4/10/1972			An ninh trật tự	0,8			1					1	
8	Đặng Văn Toàn	12/12/1953			CHT nông dân	0,1				1				1	
9	Chu Mạnh Đạt	23/3/1990			Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
10	Hoàng Thế Hưng	14/4/1956			CHT cựu chiến binh	0,1				1				1	TB,BB

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
VI	Thôn Minh Thành														
1	Phạm Văn Hưng	12/8/1960		1	Phó bí thư chi bộ	0,1				1				1	
2	Đặng Thị Nhạn	10/2/1969	1		Phó trưởng thôn	0,65			1					1	
3	Đặng Huy Toản	21/2/1979			Thôn đội trưởng	0,8		1						1	
4	Phạm Thị Xuân	18/2/1972	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Đặng Văn Lương	3/11/1971			An ninh trật tự	1			1					1	
6	Bùi Thị Chi	1/3/1968	1		CHT phụ nữ	0,1			1					1	
7	Phạm Văn Mạnh	14/3/1993			Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
8	Đặng Khắc Cần	2/8/1959			CHT cựu chiến binh	0,1				1				1	
VII	Thôn Nam Tiến														
1	Phạm Thị Nga	21/1/1966	1		Phó trưởng thôn kiêm CHT phụ nữ	0,75				1				1	
2	Bùi Ngọc Hoan	14/7/1990			Thôn đội trưởng	0,8	1							1	
3	Đỗ Thị Thoa	18/1/1968	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Bùi Công Anh	2/9/1965			An ninh trật tự	0,8				1				1	
5	Đào Xuân Độ	20/10/1950			CHT nông dân	0,1				1				1	
6	Nguyễn Thu Hằng	1/1/1955	1		Bí thư chi đoàn	0,1				1				1	
7	Nguyễn Văn Diễn	5/6/1969			CHT Cựu chiến binh	0,1			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
VIII	Thôn An Đồng														
1	Nguyễn Thị Hợi	6/7/1959	1	1	Phó trưởng thôn kiêm CHT phụ nữ	0,75				1				1	
2	Phạm Ngọc Trung	13/1/1989		1	Thôn đội trưởng kiêm an ninh trật tự, bí thư chi đoàn	1,7	1						1		
3	Nghiêm Thị Hạnh	7/11/1965	1		Y tế	0,3				1				1	
4	Bùi Văn Ánh	23/9/1968			An ninh trật tự	1			1					1	
5	Nguyễn Thị Hà	28/12/1972	1	1	CHT nông dân	0,1			1				1		
6	Phạm Trọng Trinh	17/2/1958		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1				1	
IX	Thôn Đông An														
1	Vũ Trọng Đang	5/1/1986		1	Phó trưởng thôn kiêm thôn đội trưởng	1,45		1						1	
2	Phạm Thị Vân	21/1/1977			Y tế	0,3		1						1	
3	Nghiêm Văn Hội	12/4/1969			An ninh trật tự	0,9			1					1	
4	Nguyễn Thị Tạo	12/6/1964			CHT nông dân	0,1				1				1	
5	Đặng Thị Ngọc Hoà	27/10/1964	1		CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Phạm Đình Chiến	28/9/1964			Bí thư chi đoàn	0,1				1		1			
X	Thôn Lương Đống														
1	Nguyễn Thị Huyền	5/12/1966	1		Phó trưởng thôn	0,7				1				1	
2	Lê Văn Tuấn	25/1/1981			Thôn đội trưởng	0,9		1						1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
3	Lại Thị Lụa	12/10/1975	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Trần Minh Thành	4/4/1969			An ninh trật tự	0,9			1					1	
5	Phạm Thị Mão	20/4/1966	1		CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Đào Thị Kim Dung	9/11/1991	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
7	Nguyễn Xuân Hảo	1/12/1964		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1		1			Hưu QĐ
XI	Thôn Hòa Bình														
1	Đào Văn Vương	12/2/1985		1	Phó trưởng thôn	0,65		1						1	
2	Phạm Đình Dương	24/6/1978		1	Thôn đội trưởng	0,8		1						1	
3	Lê Thị Ân	2/7/1972	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Nguyễn Văn Thi	2/10/1969			An ninh trật tự	0,8			1					1	
5	Lê Hồng Lụa	21/7/1979	1		CHT phụ nữ	0,1		1						1	
6	Trần Hoàng Giang	10/3/1996			Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
7	Phạm Thanh Vân	1/2/1953			CHT Cựu chiến binh	0,1				1				1	TB-CĐHH
XII	Thôn Đồng Lang														
1	Phạm Hữu Việt	2/11/1976			Phó trưởng thôn	0,7			1					1	
2	Lại Văn Tư	28/8/1993			Thôn đội trưởng	0,9	1							1	
3	Phạm Thị Hiến	20/10/1973	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Lại Ngọc Chúng	12/11/1971			An ninh trật tự	1			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
5	Phạm Thị Nhuận	11/3/1963	1		CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Vũ Y Phụng	6/10/2007			Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
7	Phạm Ngọc Hải	8/6/1968		1	CHT Cựu chiến binh	0,1			1				1		Hưu QĐ
8	Phạm Đình Hải	22/6/1965			An ninh trật tự	0,8				1				1	
XIII	Thôn Bắc Đồng Hải														
1	Đặng Xuân Lương	6/10/1969		1	Phó bí thư chi bộ	0,1			1					1	
2	Lại Hợp Nghiêm (Ly)	22/10/1973			Phó trưởng thôn kiêm an ninh trật tự	1,45			1					1	
3	Lại Hợp Duy	6/9/1991			Thôn đội trưởng	0,8	1							1	
4	Phí Thị Loan	12/12/1972	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Đỗ Thị Phúc	15/10/1970	1		CHT phụ nữ	0,1			1					1	
6	Lại Thị Hoàn	23/4/1999	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
7	Đoàn Trọng Hải	12/4/1954		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1				1	Bệnh binh
XIV	Thôn Nam Đồng Hải														
1	Phạm Văn Khuể	20/1/1957			Phó trưởng thôn	0,65				1				1	
2	Lại Tuấn Anh	19/11/2002			Thôn đội trưởng	0,8	1							1	
3	Lại Thị Thúy Hằng	28/5/1988	1		Y tế	0,3	1							1	
4	Hà Văn Thuyên	29/12/1966			An ninh trật tự	0,9				1				1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
5	Phí Thị Chanh	22/6/1960	1		CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Đoàn Thị Thắm	28/10/1997	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1	1				1				
XV	Thôn Tây Đồng Hải														
1	Lại Thái Chiến	8/10/1950		1	Phó trưởng thôn	0,65				1				1	
2	Lại Đức Duy	30/10/1992			Thôn đội trưởng	0,8	1							1	
3	Vũ Thị Là	25/4/1975	1		Y tế	0,3			1					1	
4	Lại Bá Đệ	1/2/1962			An ninh trật tự	0,9				1				1	
5	Lại Thị Hồng	15/8/1957	1	1	CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Hà Hữu Huấn	6/2/1994		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
7	Hà Đức Nhân	5/7/1953			CHT Cựu chiến binh	0,1				1			1		Hưu QĐ
XVI	Thôn Đông Đồng Hải														
1	Trần Thị Lập	23/12/1984	1	1	Phó bí thư chi bộ kiêm CHT phụ nữ	0,2		1						1	
2	Nguyễn Văn Nhi	7/7/1968			Phó trưởng thôn	0,7			1					1	
3	Lại Ngọc Hân	30/8/1987			Thôn đội trưởng	0,9	1							1	
4	Lại Thị Hồng	25/10/1974	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Lại Văn Luân	1/3/1958			An ninh trật tự	1				1				1	
6	Lại Hợp Sáng	10/5/1982			An ninh trật tự	0,8		1						1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
7	Trần Mạnh Hùng	8/6/1995		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
8	Lại Hợp Điều	5/3/1953			CHT Cựu chiến binh	0,1				1				1	
XVII	Thôn Văn Ông Trung														
1	Nguyễn Văn Dũng	15/12/1982		1	Phó bí thư chi bộ	0,1		1						1	
2	Nguyễn Văn Huy	13/5/1972			Phó trưởng thôn, tổ viên Tổ ANTT	1,5			1					1	
3	Nguyễn Văn Ngân	19/7/1991			Thôn đội trưởng	0,9	1							1	
4	Lại Thị Nhung	21/1/1976	1	1	Y tế	0,3			1					1	
5	Nguyễn Thị Lý	17/5/1981	1		Y tế	0,3		1						1	
6	Đỗ Văn Thư	10/1/1967			An ninh trật tự	1			1					1	
7	Trần Thị Thư	24/9/1968	1		CHT phụ nữ	0,1			1					1	
8	Nguyễn Thị Kim Huệ	3/9/1992	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
9	Lê Văn Rung	7/2/1950		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1			1		Hưu QĐ
XVIII	Thôn Văn Ông Đông														
1	Vũ Văn Tân	26/6/1979		1	Phó bí thư chi bộ	0,1		1						1	
2	Nguyễn Văn Toản	10/2/1971			Phó trưởng thôn	0,65			1					1	
3	Phạm Ngọc Toàn	2/8/1981			Thôn đội trưởng	0,8		1						1	
4	Lại Thị Hương	1972			Y tế	0,3			1					1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
5	Nguyễn Văn Thạch	5/3/1961			An ninh trật tự	0,9				1				1	
6	Phạm Thị Nga	4/4/1966	1	1	CHT phụ nữ	0,1				1				1	
7	Nguyễn Minh Duyên	21/11/2006	1		Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
8	Nguyễn Văn Hỹ	1/2/1954			CHT Cựu chiến binh	0,1				1				1	
XIX	Thôn Ông Đoài														
1	Nguyễn Đức Tính	14/2/1972		1	Phó bí thư chi bộ	0,1			1					1	
2	Nguyễn Văn Sáng	20/3/1960			Phó trưởng thôn kiêm CHT Cựu chiến binh	0,8				1				1	
3	Nguyễn Đức Ngọc	14/1/1993			Thôn đội trưởng	0,9	1							1	
4	Nguyễn Thị Nghĩa	9/10/1971	1		Y tế	0,3			1					1	
5	Phí Thị Ninh	2/5/1971	1		Y tế	0,3			1					1	
6	Phạm Kim Thời	5/11/1976			An ninh trật tự	0,8			1					1	
7	Đỗ Thanh Tùng	4/2/1960			An ninh trật tự	0,9				1				1	
8	Nguyễn Thị Hưng	6/1/1973			CHT phụ nữ	0,1			1					1	
9	Phạm Văn Phương	6/10/1989		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
XX	Thôn Tế Quan														
1	Trần Văn Hồng	18/11/1965			Phó trưởng thôn kiêm tổ trưởng tổ ANTT	1,65				1				1	
2	Nguyễn Quang Đảm	20/8/1982			Thôn đội trưởng	0,8		1						1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
3	Trần Thị Nga Trang	1/10/1980	1	1	Y tế kiêm CHT phụ nữ	0,4		1						1	
4	Đặng Tấn Tài	18/10/2006			Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
5	Phạm Văn Bào	25/6/1942		1	CHT Cựu chiến binh	0,1				1			1		Hưu QĐ
XXI	Thôn Lãm Khê														
1	Lại Chiến Thắng	6/4/1998		1	Phó bí thư chi bộ kiêm Phó trưởng thôn, Thôn đội trưởng, Bí thư chi đoàn	1,8	1							1	
2	Vũ Đình Chiểu	10/2/1958			An ninh trật tự	0,8				1				1	
3	Lại Cao Cẩm	21/4/1968			An ninh trật tự	1			1					1	
4	Đỗ Thị Thanh	26/7/1975	1		Y tế thôn kiêm CHT nông dân	0,4			1					1	
5	Lại Thị Hiếu	13/10/1963	1	1	CHT phụ nữ	0,1				1			1		Hưu
XXII	Thôn Duyên Hà														
1	Đỗ Thị Khuyên	1/1/1982	1	1	Phó bí thư chi bộ kiêm Y tế	0,45		1						1	
2	Phạm Bá Chiêm	14/12/1966			Phó trưởng thôn kiêm ANTT	1,55				1				1	
3	Hoàng Mạnh Tam	19/8/1984			Thôn đội trưởng	1		1						1	
4	Đỗ Văn Nin	7/10/1963			An ninh trật tự	0,9				1				1	
5	Trịnh Thị Nhung	4/1/1985		1	Y tế kiêm CHT phụ nữ	0,45		1						1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
6	Đỗ Văn Hiếu	7/9/1998			Bí thư chi đoàn	0,15	1							1	
7	Phạm Thị Xuất	2/9/1960	1	1	CHT Cựu chiến binh	0,15				1				1	
XXIII	Thôn Kinh Hào														
1	Bùi Công Thưởng	8/7/1987		1	Phó bí thư chi bộ kiêm an ninh trật tự, bí thư chi đoàn	1,1	1							1	
2	Phạm Duy Hảo	13/7/1950			Phó trưởng thôn	0,75				1				1	
3	Phạm Ngọc Tân	20/10/1993			Thôn đội trưởng	1	1							1	
4	Thái Văn Dũng	17/3/1980			An ninh trật tự	0,8		1						1	
5	Phạm Thị Thì	9/10/1950		1	CHT nông dân	0,15				1			1		Hưu xã
6	Phạm Quang Minh	1977		1	CHT Cựu chiến binh	0,15		1				1			Hưu QĐ
7	Phạm Thị Đỉnh	7/5/1965			Y tế	0,3				1				1	
8	Nguyễn Thị Dung	10/7/1970	1		Y tế	0,3			1					1	
XXIV	Thôn Kinh Nậu														
1	Vũ Hồng Quân	5/8/1962		1	Phó trưởng thôn kiêm CHT cựu chiến binh	0,85				1		1			Hưu QĐ
2	Bùi Đình Trọng	5/8/1987			Thôn đội trưởng	1	1							1	
3	Bùi Đức Mạo	11/6/1977			An ninh trật tự	1		1						1	
4	Nguyễn Văn Cung	8/3/1962			An ninh trật tự	1				1				1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
5	Phạm Thị Biên	1962			CHT phụ nữ	0,1				1				1	
6	Nguyễn Quốc Trình	31/5/1991		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1							1	
7	Nguyễn Thị Lữ	24/7/1964	1		Y tế	0,3				1				1	
8	Nguyễn Thị Ngẫu	10/8/1967	1		Y tế	0,3			1					1	
	Tổng số		**61**	**51**			**37**	**30**	**48**	**63**	**1**	**9**	**11**	**157**	

Lưu ý: *Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại Phụ lục số 3D*

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 3C

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Bắc Đông Quan

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Các tổ chức tại thôn, TDP																		
			Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó								
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22=13-4*
1	Xã Bắc Đông Quan	24	192	24	24	24	24	24	24		48	96	12	12	12	12	12	12		24	-96

UBND XÃ BẮC ĐÔNG QUAN

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ, NHÀ VĂN HÓA THÔN SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bắc Đông Quan)

STT	Thôn, TDP trước sắp xếp	Tên Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số lượng hiện có			Số lượng sử dụng			Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Số lượng dôi dư	Phương án			
										Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Thôn Nam Song	Thôn Vô Song	2	1	1	2	1	1					
2	Thôn Bắc Song		1	1					1	1			
3	Thôn Tam Đồng	Thôn Kỳ Hội	2	1	1	2	1	1					
4	Thôn Đồng Tâm		1	1					1	1			
5	Thôn Liên Hoàn	Thôn Kỳ Trọng	1	1		1	1		0				
6	Thôn Minh Thành		1	1					1	1			
7	Thôn Nam Tiến	Thôn An Đồng	0						0				
8	Thôn An Đồng		1	1					1	1			
9	Thôn Đông An		1	1		1	1		0				
10	Thôn Lương Đống	Thôn Lương Đống	1	1		1	1		0				
11	Thôn Hòa Bình		1	1					1	1			
12	Thôn Đồng Lang	Thôn Đông Vinh	1	1		1	1		0				
13	Thôn Bắc Đồng Hải		1	1					1	1			

STT	Thôn, TDP trước sắp xếp	Tên Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số lượng hiện có			Số lượng sử dụng			Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Số lượng dôi dư	Phương án			
										Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
14	Thôn Nam Đồng Hải	Thôn Đồng Hải	1	1					1	1			
15	Thôn Tây Đồng Hải		1	1					1	1			
16	Thôn Đông Đồng Hải		1	1		1	1		0				
17	Thôn Văn Ông Trung	Thôn Văn Ông	1	1		1	1		0				
18	Thôn Văn Ông Đông		1	1					1	1			
19	Thôn Văn Ông Đoài	Thôn Tam Sơn	1	1		1	1		0				
20	Thôn Tế Quan		1	1					1	1			
21	Thôn Lãm Khê	Thôn Hà Khê	1	1					1	1			
22	Thôn Duyên Hà		2	1	1	2	1	1	0				
23	Thôn Kinh Hào	Giữ nguyên	1	1		1	1		0				
24	Thôn Kinh Nậu	Giữ nguyên	1	1		1	1		0				
Tổng số			**26**	**23**	**3**	**15**	**12**	**3**	**11**	**11**	**0**		